TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2025/HNGĐ - ST
Ngày 24 - 4 - 2025
V/v: Ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Trí

2. Bà Bùi Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Hà Đức Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2025/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 11/4/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phùng Thị D, sinh năm 1996

ĐKHKTT: Thôn M, xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1995

ĐKHKTT: Phố M1, xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

(Tại phiên tòa có mặt chị D, vắng mặt anh T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 05/02/2025, bản tự khai ngày 17/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phùng Thị D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/2016 tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Mặc dù vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình trạng mâu thuẫn vẫn không thể khắc phục được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng

9 năm 2019 đến nay, mỗi người ở mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm không còn nên chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Ngọc T có 1 con chung là Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 12/02/2017. Hiện nay con đang ở với chị. Chị làm nghề Spa, thu nhập trung bình mỗi tháng là 10.000.000đ. Chị cam đoan có đủ điều kiện nuôi con nên nguyện vọng của chị khi ly hôn chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với anh Nguyễn Ngọc T:* Tòa án đã thực hiện tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho anh Nguyễn Ngọc T. Nhưng trong thời hạn quy định anh T không nộp văn bản nêu ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập.

Tòa án tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ tại địa phương, tại Bản tự khai ngày 02/4/2025 bị đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phùng Thị D xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 15/11/2016. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường. Đến tháng 9/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hòa giải được. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị D xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị Phùng Thị D có 01 con chung là Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 12/02/2017. Hiện nay con đang ở với chị D. Khi ly hôn chị D có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con thì anh cũng đồng ý.

- Về tài sản và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- Chị Phùng Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T. Về con chung: Chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Nguyễn Ngọc T có Đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Chị D và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 15/11/2016, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị D được ly hôn anh T.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 12/02/2017 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Ngọc T có địa chỉ thường trú tại Phố M1, xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên chị Phùng Thị D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Ngọc T có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phùng Thị D và anh Nguyễn Ngọc T dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn. Chị D và anh T sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Chị D xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hòa giải đoàn tụ nên chị vẫn giữ quan điểm ly hôn. Về phía anh T cũng đồng ý ly hôn với chị D. Xét thấy chị D và anh T đã sống ly thân, đời sống chung của vợ chồng đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị D được ly hôn anh T là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Chị D và anh T có 1 con chung là Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 12/02/2017. Hiện nay con đang ở với chị D. Khi ly hôn chị D và anh T đều thống nhất giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Ngọc N cũng có nguyện vọng xin được ở với chị D. Xét thấy sự thỏa thuận của chị D và anh T là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: Chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chị Phùng Thị D được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 12/02/2017 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Ngọc T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phùng Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu số 0005438 ngày 12/02/2025. Chấp nhận chị D đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Chị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- UBND xã V;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trịnh Thị Hà